

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23/01/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Cương

2. Ông Võ Đức Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Tuyết H, sinh năm 1990; địa chỉ: B5A, khu phố B, phường BN, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Huỳnh Anh T, sinh năm 1986, quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ: 3944 Bel Pre Road # Silver Spring MD 20906 USA, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Tuyết H trình bày:

Chị Đỗ Thị Tuyết H và anh Lê Huỳnh Anh T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 19/01/2010. Quá trình chung sống giữa chị và anh T không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị sinh sống ở Việt Nam, còn anh T cư trú tại Mỹ, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau, nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Huỳnh Anh T.

Chị H cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

- + Sổ hộ khẩu chủ hộ là chị Đỗ Thị Tuyết N (bản sao có công chứng).
- + Chứng minh nhân dân của chị Đỗ Thị Tuyết H (bản sao có công chứng).
- + Passport của anh Lê Huỳnh Anh T (bản sao)

- Bị đơn là Lê Huỳnh Anh T: Không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, mặc dù kết quả ủy thác tư pháp đã tổng đạt thành công các văn bản tố tụng.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Đỗ Thị Tuyết H và anh Lê Huỳnh Anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 08/01/2010. Sau một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh xa cách, không san sẻ, chăm sóc nhau trong cuộc sống và đã không còn liên lạc với nhau từ tháng 3/2010 đến nay. Nay thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H có đơn xin ly hôn với anh Lê Huỳnh Anh T là có căn cứ. Về tài sản chung, nợ chung, con chung, đương sự không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Lê Huỳnh Anh T đã được Tòa án thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ đúng quy định, nhưng anh T không có ý kiến. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên trình bày về việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng:

[1] Bị đơn là anh Lê Huỳnh Anh T đang cư trú tại Hoa Kỳ tại địa chỉ: 3944 Bel Pre Road # Silver Spring MD 20906 USA, Tòa án gửi văn bản tố tụng số 422/TADS ngày 20/11/2017 cho bị đơn qua đường bưu chính. Theo văn bản xác nhận của Bưu điện thành phố Thủ Dầu Một (văn bản số 04/BĐTP/TDM, ngày 03/10/2018) thì bị đơn đã nhận được văn bản tố tụng nêu trên vào lúc 12h44 ngày 22/8/2018. Nội dung văn bản thể hiện rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và yêu cầu của Tòa án đối với bị đơn trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng bị đơn không có ý kiến gì bằng văn bản gửi cho Tòa án. Tòa án cũng không nhận được thông tin gì từ thân nhân của bị đơn.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn số 829/BNG-LS ngày 14/3/2017 của Bộ Ngoại giao về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho người Việt Nam ở nước ngoài, Tòa án gửi văn bản ủy thác tư pháp số 383/TTTDDS-TA ngày 12/12/2018 đến Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ để niêm yết văn bản tố tụng theo quy định. Theo văn bản số 01/BĐTP/TDM ngày 22/01/2019 của Bưu điện thành phố Thủ Dầu Một xác nhận nhân viên lễ tân của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ, có trụ sở tại địa chỉ 1233 20th Street N.W,

Suite 400, Washington D.C.20036 đã nhận văn bản ủy thác tư pháp của Tòa án vào ngày 17/12/2018.

[3] Như vậy, thời hạn niêm yết đã đủ 30 ngày, nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì về vụ án gửi hoặc thông báo cho Tòa án.

[4] Căn cứ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là người Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

[5] Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Tuyết H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[6] Về nội dung: Xét thấy, chị Đỗ Thị Tuyết H và anh Lê Huỳnh Anh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 08/01/2010 (theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số 03, quyển số 01 ngày 19/01/2010) là hôn nhân hợp pháp.

[7] Theo lời khai của chị H thì quá trình chung sống giữa chị và anh T không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống; thường xuyên cãi nhau từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 3 năm 2010 đến nay. Chị H sinh sống ở Việt Nam, còn anh T cư trú tại Mỹ, hiện nay chị H và anh T không còn quan tâm nhau và không còn liên lạc được. Cả hai không hiểu được tâm tư, nguyện vọng và cuộc sống hiện tại của nhau. Vì vậy, chị H xác định mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung; tài sản chung; quyền lợi và nghĩa vụ dân sự của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp: Chị H phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật Tương trợ tư pháp; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tuyết H đối với anh Lê Huỳnh Anh T về việc tranh chấp ly hôn.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tuyết H được ly hôn với anh Lê Huỳnh Anh T.

[1.2] Về con chung, tài sản chung, quyền và nghĩa vụ dân sự của vợ chồng: Không giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Tuyết H phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0010820 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí ủy thác tư pháp: Chị Đỗ Thị Tuyết H phải nộp 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp.

Chị Đỗ Thị Tuyết H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định. Anh Lê Huỳnh Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Minh